

Số: /QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2025 – 2026**  
**cho sinh viên hệ chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

*Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC BLĐT&XH, ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội với học sinh, sinh viên và người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/03/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội với học sinh, sinh viên và người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 18/2009/TT-LT/BGD&ĐT-BTC BLĐT&XH, ngày 13/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc sửa đổi bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH, ngày 25/8/1998 của Liên Bộ hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Hoa Lư;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2025 – 2026 cho 159 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo), bao gồm:

1. Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế): 07 sinh viên;

2. Sinh viên là người dân tộc ít người: 150 sinh viên;
3. Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ không nơi nương tựa: 02 sinh viên.

**Điều 2.** Mức cấp cụ thể:

1. Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế): 100.000đ/tháng/sinh viên x 6 tháng;
  2. Sinh viên là người dân tộc ít người: 140.000đ/tháng/sinh viên x 6 tháng;
  3. Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ không nơi nương tựa: 100.000đ/tháng/sinh viên x 6 tháng;
- Tổng số tiền cấp là: **131.400.000đ**

*(Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng)*

Kinh phí được trích từ nguồn Ngân sách Nhà nước cấp năm 2026.

**Điều 3.** Trưởng phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, CT&CTHSSV, TC.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Văn Trường**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN HỘ NGHÈO NĂM 2026**  
**(CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT KHỔ KHĂN VỀ KINH TẾ)**  
**NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

STT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Kí nhận
1.	Vũ Thị Phương Thảo	D16GDMN1	100.000	6	600.000	
2.	Phạm Thị Lưu	D16GDMN2	100.000	6	600.000	
3.	Nguyễn Thị Phương Dung	D16KTTH	100.000	6	600.000	
4.	Trần Thị Quỳnh Trang	D17GDTH1	100.000	6	600.000	
5.	Cao Thùy Dương	D17DL1	100.000	6	600.000	
6.	Phạm Phong Phú	D17CNTT	100.000	6	600.000	
7.	Lê Thị Ngoan	D18KT1	100.000	6	600.000	
<b>Tổng</b>					<b>4.200.000</b>	
<b>(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 07 sinh viên)*

**DANH SÁCH SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC ÍT NGƯỜI  
NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

STT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Kí nhận
1.	Bê Thị Minh Hiền	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
2.	Bùi Thị Phương Ngọc	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
3.	Bùi Thu Huế	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
4.	Bùi Thị Khánh Huyền	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
5.	Dương Thị Nhuyên	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
6.	Nguyễn Thị Thu Phương	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
7.	Bùi Thái Hoà	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
8.	Hà Thị Yến Nhi	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
9.	Bùi Huyền My	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
10.	Bùi Thị Lan Hương	D15GDTH3	140.000	6	840.000	
11.	Lý Thị Lan Chinh	D15GDMN1	140.000	6	840.000	
12.	Nguyễn Thị Lệ Thanh	D15GDMN2	140.000	6	840.000	
13.	Đỗ Hà Quang	D15DL	140.000	6	840.000	
14.	Bùi Hải Long	D15KT2	140.000	6	840.000	
15.	Nguyễn Thị Phương	D15KHTN	140.000	6	840.000	
16.	Nguyễn Hà Anh	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
17.	Bùi Thị Ngọc Mai	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
18.	Hà Hồng Xuyên	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
19.	Hoàng Xuân Diệu	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
20.	Bùi Thảo Nguyên	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
21.	Bùi Thị Thanh Mai	D16GDTH2	140.000	6	840.000	
22.	Bùi Hải Yến	D16GDTH2	140.000	6	840.000	
23.	Xa Hải Yến	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
24.	Lê Như Thảo	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
25.	Bùi Phương Anh	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
26.	Bùi Ngọc Thom	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
27.	Bùi Mai Phương	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
28.	Phùng Khánh Linh	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
29.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
30.	Bùi Thị Vân	D16GDTH3	140.000	6	840.000	

31.	Quách Thị Nguyệt Nga	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
32.	Quảng Thị Quỳnh Vy	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
33.	Bùi Thị Minh Diệp	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
34.	Bùi Thị Thanh Thảo	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
35.	Bùi Thuỳ Trang	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
36.	Bùi Thị Bích Duyên	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
37.	Bùi Thị Thanh Thảo	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
38.	Bùi Thị Thu Hoài	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
39.	Bùi Thị Mai	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
40.	Bùi Thị Anh Văn	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
41.	Bùi Diệu Quỳnh	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
42.	Quách Thị Minh Ngọc	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
43.	Bùi Thị Ngọc Trâm	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
44.	Quách Thị Hương Giang	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
45.	Quách Hà Vi	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
46.	Cà Kim Cương	D16GDMN2	140.000	6	840.000	
47.	Quách Thị Thảo Vân	D16GDMN2	140.000	6	840.000	
48.	Vàng Thị Hái	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
49.	Bùi Quốc Hùng	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
50.	Hoàng Thanh Tùng	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
51.	Bùi Văn Trường	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
52.	Nguyễn Thị Thu Trà	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
53.	Bùi Thái Sơn	D16KTTH	140.000	6	840.000	
54.	Đình Thanh Vân	D16KTDN	140.000	6	840.000	
55.	Đình Thị Mỹ Duyên	D16TOÁN	140.000	6	840.000	
56.	Bùi Mạnh Dũng	D16CNTT	140.000	6	840.000	
57.	Đình Hoàng Giang	D16DL	140.000	6	840.000	
58.	Đình Thị Kiều Nhung	D16DL	140.000	6	840.000	
59.	Trần Đình Thành Hưng	D16DL	140.000	6	840.000	
60.	Đình Phương Uyên	D16DL	140.000	6	840.000	
61.	Bùi Quang Trung	D16DL	140.000	6	840.000	
62.	Bùi Huyền Trang	D17KTTH	140.000	6	840.000	
63.	Bùi Thị Tình	D17GDTH1	140.000	6	840.000	
64.	Bùi Ngọc Khuê	D17GDTH1	140.000	6	840.000	
65.	Nông Thị Huệ	D17GDTH1	140.000	6	840.000	

66.	Bùi Ngọc Ánh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
67.	Nguyễn Thị Hiền	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
68.	Quách Thị Thuỳ Linh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
69.	Đinh Như Quỳnh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
70.	Hà Thị Hợi	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
71.	Nguyễn Trần Hương Giang	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
72.	Bùi Thị Thu Hạnh	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
73.	Bùi Minh Phương	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
74.	Bùi Thị Hồng Ngân	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
75.	Bùi Ngọc Hà Anh	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
76.	Bùi Thị Bảo Yến	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
77.	Nông Phương Thảo	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
78.	Nông Thuỳ Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
79.	Dương Trúc Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
80.	Bùi Thị Mỹ Duyên	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
81.	Bùi Khánh Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
82.	Nguyễn Anh Tuấn	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
83.	Bùi Thị Hồng Ánh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
84.	Quách Thị Mỹ Hạnh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
85.	Bùi Thị Quyển	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
86.	Phạm Thị Huyền Phương	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
87.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
88.	Bùi Thị Thanh	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
89.	Bùi Anh Thư	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
90.	Tạ Thanh Trà	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
91.	Bùi Lệ Huyền	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
92.	Bùi Thị Thu Thảo	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
93.	Bùi Thị Thắm	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
94.	Bùi Thị Phương Linh	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
95.	Bùi Diệu Thư	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
96.	Lò Thị Ngọc Trâm	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
97.	Đinh Hoàng Trà	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
98.	Trịnh Thị Phương Anh	D17DL2	140.000	6	840.000	
99.	Đinh Minh Hiếu	D17DL1	140.000	6	840.000	
100.	Bùi Thị Thu Thảo	D18GDTH1	140.000	6	840.000	

101.	Chu Thị Kim Oanh	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
102.	Thào Thị Nhà	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
103.	Quàng Thị By Linh	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
104.	Bùi Vũ Phương Mai	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
105.	Lê Tuyết Nhung	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
106.	Đinh Thị Hoàng Châu	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
107.	Đinh Thị Phương Thảo	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
108.	Đinh Minh Trang	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
109.	Lương Tuấn Nam	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
110.	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
111.	Bùi Hồng Nhung	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
112.	Tần Giảng Mỹ	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
113.	Bùi Thu Phương	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
114.	Đinh Thị Thắm Hồng	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
115.	Bùi Thị Thu Lành	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
116.	Bùi Mai Thương	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
117.	Bùi Thị Quỳnh Nga	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
118.	Cao Ngọc Ánh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
119.	Hoàng Thị Thu Thủy	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
120.	Hoàng Huyền Anh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
121.	Bùi Thanh Hoài	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
122.	Ngân Thị Kiều Như	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
123.	Bùi Thị Ngọc Châu	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
124.	Bùi Ngọc Lan	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
125.	Bùi Kiều Oanh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
126.	Lò Thị Phương Thảo	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
127.	Bùi Thị Yến Nhi	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
128.	Bùi Kim Xuyên	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
129.	Bùi Thị Hạ	D18GDMN2	140.000	6	840.000	
130.	Bùi Khánh Ngọc	D18GDMN2	140.000	6	840.000	
131.	Sộng Thị Dạ	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
132.	Sùng Thị Nênh	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
133.	Bùi Bảo Châm	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
134.	Mai Hồng Vân	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
135.	Bùi Khánh Ngọc	D18GDMN3	140.000	6	840.000	

136.	Bùi Thị Hương Giang	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
137.	Bùi Thị Kiều Anh	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
138.	Nguyễn Tuệ Minh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
139.	Lù Minh Tuấn	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
140.	Bùi Bích Ngọc	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
141.	Tổng Phương Thủy	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
142.	Hà Thị Trang Linh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
143.	Lương Thị Yên Nhi	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
144.	Bùi Thị Lan Anh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
145.	Đặng Thị Liên	D18QTKD	140.000	6	840.000	
146.	Nguyễn Thị Hồng	D18KT2	140.000	6	840.000	
147.	Bùi Mai Anh	D18DL3	140.000	6	840.000	
148.	Đỗ Hà Lan	D18DL5	140.000	6	840.000	
149.	Bùi Thị Thu Hà	D18DL5	140.000	6	840.000	
150.	Đinh Đức Tài	D18CNTT	140.000	6	840.000	
<b>Tổng</b>					<b>126.000.000</b>	
<b>(Một trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 150 sinh viên)*

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN**  
**MỒ CÔI CẢ CHA LÃN MẸ KHÔNG NƠI NUỞNG TỰA**  
**NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

STT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Kí nhận
1.	Nguyễn Đặng Thanh Huyền	D17GDMN2	100.000	6	600.000	
2.	Hà Thị Mỹ Lệ	D18DL3	100.000	6	600.000	
<b>Tổng</b>					<b>1.200.000</b>	
<b>(Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 02 sinh viên)*

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN HỘ NGHÈO NĂM 2026**  
**(CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT KHỔ KHĂN VỀ KINH TẾ)**  
**NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

STT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1.	Vũ Thị Phương Thảo	D16GDMN1	100.000	6	600.000	
2.	Phạm Thị Lưu	D16GDMN2	100.000	6	600.000	
3.	Nguyễn Thị Phương Dung	D16KTTH	100.000	6	600.000	
4.	Trần Thị Quỳnh Trang	D17GDTH1	100.000	6	600.000	
5.	Cao Thùy Dương	D17DL1	100.000	6	600.000	
6.	Phạm Phong Phú	D17CNTT	100.000	6	600.000	
7.	Lê Thị Ngoan	D18KT1	100.000	6	600.000	
<b>Tổng</b>					<b>4.200.000</b>	
<b>(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 07 sinh viên)*

**DANH SÁCH SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC ÍT NGƯỜI  
NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

STT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1.	Bé Thị Minh Hiền	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
2.	Bùi Thị Phương Ngọc	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
3.	Bùi Thu Huế	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
4.	Bùi Thị Khánh Huyền	D15GDTH1	140.000	6	840.000	
5.	Dương Thị Nguyên	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
6.	Nguyễn Thị Thu Phương	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
7.	Bùi Thái Hoà	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
8.	Hà Thị Yên Nhi	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
9.	Bùi Huyền My	D15GDTH2	140.000	6	840.000	
10.	Bùi Thị Lan Hương	D15GDTH3	140.000	6	840.000	
11.	Lý Thị Lan Chinh	D15GDMN1	140.000	6	840.000	
12.	Nguyễn Thị Lệ Thanh	D15GDMN2	140.000	6	840.000	
13.	Đỗ Hà Quang	D15DL	140.000	6	840.000	
14.	Bùi Hải Long	D15KT 2	140.000	6	840.000	
15.	Nguyễn Thị Phương	D15KHTN	140.000	6	840.000	
16.	Nguyễn Hà Anh	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
17.	Bùi Thị Ngọc Mai	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
18.	Hà Hồng Xuyên	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
19.	Hoàng Xuân Diệu	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
20.	Bùi Thảo Nguyên	D16GDTH1	140.000	6	840.000	
21.	Bùi Thị Thanh Mai	D16GDTH2	140.000	6	840.000	
22.	Bùi Hải Yên	D16GDTH2	140.000	6	840.000	
23.	Xa Hải Yên	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
24.	Lê Như Thảo	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
25.	Bùi Phương Anh	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
26.	Bùi Ngọc Thơm	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
27.	Bùi Mai Phương	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
28.	Phùng Khánh Linh	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
29.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	D16GDTH3	140.000	6	840.000	

30.	Bùi Thị Vân	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
31.	Quách Thị Nguyệt Nga	D16GDTH3	140.000	6	840.000	
32.	Quảng Thị Quỳnh Vy	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
33.	Bùi Thị Minh Diệp	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
34.	Bùi Thị Thanh Thảo	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
35.	Bùi Thuỳ Trang	D16GDTH4	140.000	6	840.000	
36.	Bùi Thị Bích Duyên	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
37.	Bùi Thị Thanh Thảo	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
38.	Bùi Thị Thu Hoài	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
39.	Bùi Thị Mai	D16GDTH5	140.000	6	840.000	
40.	Bùi Thị Anh Văn	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
41.	Bùi Diệu Quỳnh	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
42.	Quách Thị Minh Ngọc	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
43.	Bùi Thị Ngọc Trâm	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
44.	Quách Thị Hương Giang	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
45.	Quách Hà Vi	D16GDMN1	140.000	6	840.000	
46.	Cà Kim Cương	D16GDMN2	140.000	6	840.000	
47.	Quách Thị Thảo Vân	D16GDMN2	140.000	6	840.000	
48.	Vàng Thị Hải	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
49.	Bùi Quốc Hùng	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
50.	Hoàng Thanh Tùng	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
51.	Bùi Văn Tường	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
52.	Nguyễn Thị Thu Trà	D16LSĐL	140.000	6	840.000	
53.	Bùi Thái Sơn	D16KTTH	140.000	6	840.000	
54.	Đình Thanh Vân	D16KTDN	140.000	6	840.000	
55.	Đình Thị Mỹ Duyên	D16 Toán	140.000	6	840.000	
56.	Bùi Mạnh Dũng	D16CNTT	140.000	6	840.000	
57.	Đình Hoàng Giang	D16DL	140.000	6	840.000	
58.	Đình Thị Kiều Nhung	D16DL	140.000	6	840.000	
59.	Trần Đình Thành Hưng	D16DL	140.000	6	840.000	
60.	Đình Phương Uyên	D16DL	140.000	6	840.000	
61.	Bùi Quang Trung	D16DL	140.000	6	840.000	
62.	Bùi Huyền Trang	D17KTTH	140.000	6	840.000	
63.	Bùi Thị Tình	D17GDTH1	140.000	6	840.000	
64.	Bùi Ngọc Khuê	D17GDTH1	140.000	6	840.000	

65.	Nông Thị Huệ	D17GDTH1	140.000	6	840.000	
66.	Bùi Ngọc Ánh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
67.	Nguyễn Thị Hiền	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
68.	Quách Thị Thuỳ Linh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
69.	Đình Như Quỳnh	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
70.	Hà Thị Hợi	D17GDTH2	140.000	6	840.000	
71.	Nguyễn Trần Hương Giang	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
72.	Bùi Thị Thu Hạnh	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
73.	Bùi Minh Phương	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
74.	Bùi Thị Hồng Ngân	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
75.	Bùi Ngọc Hà Anh	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
76.	Bùi Thị Bảo Yến	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
77.	Nông Phương Thảo	D17GDTH3	140.000	6	840.000	
78.	Nông Thuỳ Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
79.	Dương Trúc Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
80.	Bùi Thị Mỹ Duyên	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
81.	Bùi Khánh Linh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
82.	Nguyễn Anh Tuấn	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
83.	Bùi Thị Hồng Ánh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
84.	Quách Thị Mỹ Hạnh	D17GDTH4	140.000	6	840.000	
85.	Bùi Thị Quyên	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
86.	Phạm Thị Huyền Phương	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
87.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
88.	Bùi Thị Thanh	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
89.	Bùi Anh Thư	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
90.	Tạ Thanh Trà	D17GDMN1	140.000	6	840.000	
91.	Bùi Lệ Huyền	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
92.	Bùi Thị Thu Thảo	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
93.	Bùi Thị Thắm	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
94.	Bùi Thị Phương Linh	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
95.	Bùi Diệu Thư	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
96.	Lò Thị Ngọc Trâm	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
97.	Đình Hoàng Trà	D17GDMN2	140.000	6	840.000	
98.	Trịnh Thị Phương Anh	D17DL2	140.000	6	840.000	
99.	Đình Minh Hiếu	D17DL1	140.000	6	840.000	

100.	Bùi Thị Thu Thảo	D18GDTH1	140.000	6	840.000	
101.	Chu Thị Kim Oanh	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
102.	Thào Thị Nhà	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
103.	Quàng Thị By Linh	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
104.	Bùi Vũ Phương Mai	D18GDTH2	140.000	6	840.000	
105.	Lê Tuyết Nhung	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
106.	Đinh Thị Hoàng Châu	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
107.	Đinh Thị Phương Thảo	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
108.	Đinh Minh Trang	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
109.	Lương Tuấn Nam	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
110.	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	D18GDTH3	140.000	6	840.000	
111.	Bùi Hồng Nhung	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
112.	Tần Giáng Mỹ	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
113.	Bùi Thu Phương	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
114.	Đinh Thị Thắm Hồng	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
115.	Bùi Thị Thu Lành	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
116.	Bùi Mai Thương	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
117.	Bùi Thị Quỳnh Nga	D18GDTH4	140.000	6	840.000	
118.	Cao Ngọc Ánh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
119.	Hoàng Thị Thu Thủy	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
120.	Hoàng Huyền Anh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
121.	Bùi Thanh Hoài	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
122.	Ngân Thị Kiều Như	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
123.	Bùi Thị Ngọc Châu	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
124.	Bùi Ngọc Lan	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
125.	Bùi Kiều Oanh	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
126.	Lò Thị Phương Thảo	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
127.	Bùi Thị Yến Nhi	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
128.	Bùi Kim Xuyên	D18GDMN1	140.000	6	840.000	
129.	Bùi Thị Hạ	D18GDMN2	140.000	6	840.000	
130.	Bùi Khánh Ngọc	D18GDMN2	140.000	6	840.000	
131.	Sộng Thị Dạo	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
132.	Sùng Thị Nênh	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
133.	Bùi Bảo Châm	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
134.	Mai Hồng Vân	D18GDMN3	140.000	6	840.000	

135.	Bùi Khánh Ngọc	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
136.	Bùi Thị Hương Giang	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
137.	Bùi Thị Kiều Anh	D18GDMN3	140.000	6	840.000	
138.	Nguyễn Tuệ Minh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
139.	Lù Minh Tuấn	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
140.	Bùi Bích Ngọc	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
141.	Tổng Phương Thủy	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
142.	Hà Thị Trang Linh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
143.	Lương Thị Yến Nhi	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
144.	Bùi Thị Lan Anh	D18LSĐL	140.000	6	840.000	
145.	Đặng Thị Liên	D18QTKD	140.000	6	840.000	
146.	Nguyễn Thị Hồng	D18KT2	140.000	6	840.000	
147.	Bùi Mai Anh	D18DL3	140.000	6	840.000	
148.	Đỗ Hà Lan	D18DL5	140.000	6	840.000	
149.	Bùi Thị Thu Hà	D18DL5	140.000	6	840.000	
150.	Đinh Đức Tài	D18CNTT	140.000	6	840.000	
<b>Tổng</b>					<b>126.000.000</b>	
<b>(Một trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 150 sinh viên)*

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN**  
**MỒ CÔI CẢ CHA LÃN MẸ KHÔNG NƠI NUƠNG TỰA**  
**NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Lớp</b>	<b>Số tiền/tháng</b>	<b>Số tháng</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Nguyễn Đặng Thanh Huyền	D17GDMN2	100.000	6	600.000	
2.	Hà Thị Mỹ Lệ	D18DL3	100.000	6	600.000	
<b>Tổng</b>					<b>1.200.000</b>	
<b>(Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)</b>						

*(Ấn định danh sách gồm 02 sinh viên)*